NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HSX: BID)

Báo cáo gặp gỡ nhà đầu tư Tháng 11/2026: Cập nhật KQKD Q3/2026 & Triển vọng kinh doanh

Tóm tắt KQKD Q3/26: Lợi nhuận tăng trưởng 39% chủ yếu đến từ tăng trưởng lãi thuần và tiết giảm chi phí dự phòng

(Đơn vị: tỷ đồng)	Q3/26	Q3/25	% svck	Kế hoạch 2026	% hoàn thành KH
Thu nhập lãi thuần	17,056	15,173	12.4%		
Thu nhập ngoài lãi	6,150	5,982	2.8%		
Tổng thu nhập hoạt động	**23,206**	**21,154**	**9.7%**		
Chi phí hoạt động	(7,987)	(7,375)	8.3%		
LN trước dự phòng	**15,219**	**13,780**	**10.4%**		
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4,640)	(6,186)	-25.0%	(25,240)	63%
LN trước thuế	10,579	7,594	39.3%		
LN ròng	**8,331**	**5,953**	**39.9%**		
Tăng trưởng tín dụng	7.8%	8.8%	-100 đcb		
Tăng trưởng huy động	6.2%	6.9%	-67 đcb		
NIM	2.0%	2.0%	-3 đcb		
CIR	34.4%	34.9%	-44 đcb		
CASA	20.6%	20.6%	3 đcb		
NPL	1.9%	1.9%	-2 đcb		
LLR	73.4%	94.5%	-2,110 đcb		
ROE	16.9%	14.7%	215 đcb		
ROA	1.0%	0.8%	17 đcb		

Nguồn: BID, MBS Research

Thông tin cổ phiếu	
Giá hiện tại (VND)	30,550
Cao nhất 52 tuần (VND)	52,368
Thấp nhất 52 tuần (VND)	30,200
Vốn hóa (tỷ VND)	237,625
P/E (TTM)	6.75
P/B	1.21
Tỷ suất cổ tức (%)	1.47
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	17.25

Cơ cấu sở hữu	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	76.73%
KEB Hana Bank	14.21%
SCIC	1.77%
Vietnam Enterprise Investments Ltd.	1.10%

Nguồn: https://s24.mbs.com.vn/

LNTT Q3/26 của BID đạt 10,579 tỷ đồng (+39.3% svck), chủ yếu nhờ tăng trưởng thu nhập lãi thuần và tiết giảm chi phí dự phòng. Lũy kế 9T26, LNTT đạt 29,483 tỷ đồng (+24.8% svck). Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng chính, trong khi thu nhập ngoài lãi chưa ghi nhận sự phục hồi đáng kể. Tín dụng tăng 8.0% YTD, trong đó khối doanh nghiệp tăng 10.5%, đóng góp khoảng 76% vào tăng trưởng dư nợ toàn ngân hàng. Tín dụng FDI tăng 54.2% YTD, doanh nghiệp vừa tăng 23.6% và doanh nghiệp lớn tăng 12.4%. Ngược lại, cho vay SME giảm 6.1%, trong khi bán lẻ tăng 4.0% nhờ các sản phẩm cho vay tiêu dùng có tài sản bảo đảm, bù đắp phần sụt giảm từ cho vay mua nhà và sản xuất kinh doanh. Theo ngành nghề, tín dụng dịch vụ tăng 30.7%, chế biến chế tạo tăng 10.3%, tiếp tục là hai lĩnh vực đóng góp lớn vào tăng trưởng.

Tổng huy động khách hàng tăng 9.2% YTD, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 6.2% YTD. CASA giảm từ 21.1% cuối năm 2025 xuống 19.9%. Riêng Q3, tăng trưởng tiền gửi khách hàng vượt tăng trưởng tín dụng, qua đó cải thiện thanh khoản và tạo điều kiện cho ngân hàng tiếp tục giải ngân trong Q4.

NIM tiếp tục chịu áp lực từ chi phí vốn: NIM 9T26 ở mức khoảng 2.1%, khi mức tăng lợi suất tài sản chưa đủ bù đắp chi phí huy động cao hơn. BID kỳ vọng NIM cải thiện dần từ Q4/26 và năm 2027 nhờ gia tăng CASA, tối ưu cơ cấu nguồn vốn và tiếp tục dịch chuyển danh mục tín dụng sang cho vay trung dài hạn, bán lẻ.

Chất lượng tài sản suy giảm, trong khi bộ đệm dự phòng tiếp tục thu hẹp: NPL theo TT31 tại cuối Q3/26 đạt 1.58%, sát mục tiêu kiểm soát tối đa 1.6% của ngân hàng. Trong khi đó, tỷ lệ nợ nhóm 3–5 trên dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất đạt 1.85%, tăng từ 1.47% cuối năm 2025. Nợ nhóm 2 tăng 32 đcb so với cuối quý trước lên 1.54%. LLR giảm xuống 73.4%, so với 99.9% cuối năm 2025, phản ánh tốc độ gia tăng nợ xấu nhanh hơn mức bổ sung dự phòng.

Thu nhập ngoài lãi tiếp tục tăng trưởng thấp: Thu nhập phí thuần 9T26 đạt 5,442 tỷ đồng (+5.5% svck), được hỗ trợ bởi hoạt động thanh toán và tài trợ thương mại. Trong khi đó, lãi thuần kinh doanh ngoại hối giảm 7.2% và thu nhập từ chứng khoán đầu tư giảm mạnh svck. Thu hồi nợ đã xử lý đạt khoảng 8.3 nghìn tỷ đồng (+14.1% svck), hỗ trợ thu nhập khác tăng 16.8%. CIR 9T26 cải thiện xuống 32.7%, giảm 105 đcb svck nhờ thu nhập tăng nhanh hơn chi phí hoạt động.

Trao đổi của ngân hàng về tình hình kinh doanh và triển vọng kinh doanh trong Q4/26 và năm 2027

1. Kế hoạch kinh doanh và triển vọng Q4/26–2027

- **Tăng trưởng tín dụng:** BID đặt mục tiêu sử dụng hết hạn mức tăng trưởng tín dụng khoảng 10.7% được NHNN giao trong năm 2026, so với mức thực hiện 8.0% tại cuối Q3. BID cho biết dư địa tăng trưởng còn lại sẽ được sử dụng có chọn lọc, phụ thuộc vào nhu cầu tín dụng, khả năng huy động vốn, năng lực vốn tự có và chất lượng khách hàng. Đối với năm 2027, ngân hàng đang xây dựng kế hoạch tăng trưởng tín dụng khoảng 16%, song chưa chốt chỉ tiêu chính thức.

- **Chất lượng tài sản:** BID giữ nguyên mục tiêu NPL theo TT31 không vượt 1.6% cuối năm 2026. Ngân hàng đồng thời đặt mục tiêu nâng LLR từ 73.4% tại Q3 lên khoảng 85% cuối năm, trong bối cảnh rủi ro tín dụng tại các phân khúc SME, doanh nghiệp xây dựng và cho vay mua nhà vẫn cần được theo dõi.

- **Trích lập dự phòng:** Kế hoạch chi phí dự phòng cả năm 2026 khoảng 25.2 nghìn tỷ đồng. Với mức thực hiện 15,959 tỷ đồng trong 9T26, phần còn lại theo kế hoạch tương đương khoảng 9.3 nghìn tỷ đồng trong Q4, cao đáng kể so với mức 4,640 tỷ đồng ghi nhận trong Q3.

- **NIM và thanh khoản:** BID kỳ vọng áp lực chi phí huy động giảm dần nhờ thanh khoản hệ thống cải thiện, trong khi lợi suất cho vay có thể tiếp tục hưởng lợi từ các khoản vay hết thời gian ưu đãi. Tuy nhiên, quá trình cải thiện NIM dự kiến diễn ra từng bước, do BID vẫn ưu tiên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và chương trình tín dụng có lãi suất ưu đãi.

- **Tăng vốn:** BID đang triển khai phương án phát hành riêng lẻ khoảng 10.7% số cổ phiếu lưu hành, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư phù hợp. Ngân hàng cũng lên kế hoạch phát hành khoảng 25-28 nghìn

tỷ đồng trái phiếu cao cấp trong hai năm tới nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và hỗ trợ tăng trưởng bảng cân đối kế toán.

2. Tăng trưởng tín dụng và cơ cấu danh mục cho vay

- BID cho biết tăng trưởng tín dụng của BID thấp hơn một số ngân hàng thương mại tư nhân trong 9T26 không phản ánh việc ngân hàng bị hạn chế khả năng giải ngân. BID tiếp tục ưu tiên hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng thay vì mở rộng tín dụng bằng mọi giá.

- Khối khách hàng doanh nghiệp tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng tín dụng, đặc biệt tại nhóm FDI, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa. Ngược lại, cho vay SME ghi nhận sụt giảm do nhu cầu vốn yếu hơn và BID thận trọng hơn với rủi ro tín dụng của phân khúc này. Tăng trưởng bán lẻ vẫn dương nhờ tín dụng tiêu dùng có tài sản bảo đảm, mặc dù cho vay mua nhà và sản xuất kinh doanh cá nhân suy giảm.

- Trong Q4/26, BID dự kiến tiếp tục mở rộng tín dụng tại các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, xuất nhập khẩu, FDI và các dự án hạ tầng đáp ứng yêu cầu thẩm định. BID kỳ vọng môi trường lãi suất và thanh khoản thuận lợi hơn sẽ hỗ trợ nhu cầu vay vốn trong năm 2027, song hạn mức tín dụng chính thức vẫn phụ thuộc vào phê duyệt của NHNN.

3. Tài trợ dự án hạ tầng và đầu tư công

- BID đánh giá đầu tư công và các dự án hạ tầng trọng điểm sẽ là động lực quan trọng cho nhu cầu tín dụng trong trung và dài hạn. Tại cuối Q3/26, danh mục tài trợ hạ tầng của ngân hàng bao gồm khoảng 18.4 nghìn tỷ đồng cho vay BOT và 4.5 nghìn tỷ đồng đối với các dự án cảng biển, sân bay.

- Đối với các dự án trọng điểm được áp dụng cơ chế tín dụng đặc biệt, BID cho biết đã cam kết khoảng 2 nghìn tỷ đồng cho một dự án thuộc diện có thể được loại trừ khỏi hạn mức tăng trưởng tín dụng. Tuy nhiên, BID nhấn mạnh cần phân biệt giữa dư nợ đã giải ngân, khoản tín dụng đã cam kết và các dự án đang trong quá trình thẩm định.

- Ngân hàng tiếp tục đánh giá cơ hội tham gia các dự án quy mô lớn, nhưng quyết định tài trợ sẽ phụ thuộc vào tiến độ triển khai, tính khả thi của phương án tài chính, nguồn vốn đối ứng và khả năng quản trị rủi ro. Trong năm 2027, việc mở rộng tín dụng hạ tầng có thể hỗ trợ tăng trưởng dư nợ, song BID chưa đưa ra mục tiêu giải ngân cụ thể cho nhóm dự án này.

4. Bất động sản và triển vọng cho vay mua nhà

- **Dư nợ tín dụng liên quan đến BĐS chiếm khoảng 24.1% tổng dư nợ**, tương đương mức giới hạn nội bộ mà BID duy trì trong những năm gần đây. Dư nợ cho vay chủ đầu tư BĐS ước khoảng 240 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ so với cuối năm 2025. BID tiếp tục định hướng kiểm soát tỷ trọng tín dụng BĐS trong tổng danh mục, đồng thời ưu tiên các dự án có dòng tiền rõ ràng và khả năng tiêu thụ tốt.

- Dư nợ cho vay mua nhà cuối Q3/26 đạt khoảng **341 nghìn tỷ đồng**, giảm gần 4 nghìn tỷ đồng so với quý trước. Trong quý, giải ngân mới đạt khoảng 14 nghìn tỷ đồng, thấp hơn tổng giá trị trả nợ khoảng 18

nghìn tỷ đồng, trong đó một phần đáng kể là các khoản trả nợ trước hạn. Diễn biến này phản ánh nhu cầu vay mua nhà chưa phục hồi mạnh trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cao và thanh khoản thị trường BĐS còn hạn chế.

- Khoảng 65% dư nợ cho vay mua nhà vẫn đang trong thời gian áp dụng lãi suất ưu đãi, trong khi 35% đã chuyển sang lãi suất thả nổi. BID dự kiến có khoảng 62 nghìn tỷ đồng dư nợ mua nhà được định giá lại trong 12 tháng tới, với mức điều chỉnh lãi suất 200–300 đcb. Điều này tạo dư địa cải thiện lợi suất cho vay nhưng đồng thời làm gia tăng áp lực trả nợ đối với một bộ phận khách hàng.

- BID ghi nhận nợ xấu của danh mục cho vay mua nhà tăng khi các chương trình ưu đãi giai đoạn 2023–2025 dần hết hiệu lực. BID đã điều chỉnh giảm lãi suất đối với các khoản giải ngân mới nhằm hỗ trợ nhu cầu tín dụng. Ngân hàng đánh giá khó khăn hiện tại mang tính ngắn và trung hạn, trong khi nhu cầu nhà ở thực và việc phát triển hạ tầng giao thông được kỳ vọng hỗ trợ thị trường BĐS về dài hạn.

5. Chất lượng tài sản, nợ nhóm 2 và triển vọng nợ xấu

- Tỷ lệ NPL theo TT31 tăng lên 1.58% tại cuối Q3/26 nhưng vẫn dưới ngưỡng kiểm soát 1.6% của ngân hàng. BID xác định ba nguyên nhân chính khiến chất lượng tài sản chịu áp lực, gồm: (i) việc phân loại lại nợ theo thông tin CIC, (ii) dòng tiền và khả năng trả nợ của một bộ phận khách hàng suy yếu, và (iii) tác động sau khi các cơ chế cơ cấu nợ theo Thông tư 02 hết hiệu lực.

- **Nợ nhóm 2 tăng 32 đcb QoQ lên 1.54%**, cho thấy rủi ro chuyển nhóm nợ vẫn hiện hữu. Các khoản vay cần theo dõi chủ yếu tập trung ở SME, doanh nghiệp lớn thuộc lĩnh vực xây dựng, vật liệu xây dựng và một số hoạt động thương mại. Nợ xấu của khối doanh nghiệp lớn được BID đề cập ở mức khoảng 3%, trong khi SME ở mức khoảng 2.26%. Đối với bán lẻ, tỷ lệ NPL tăng từ 0.95% cuối năm 2025 lên 1.22%, chủ yếu do các khoản vay mua nhà và sản xuất kinh doanh.

- Trong 12 tháng tới, BID sẽ tập trung xử lý các khoản vay có khả năng chuyển nhóm, đẩy mạnh thu hồi và xử lý tài sản bảo đảm, đồng thời áp dụng các chương trình hỗ trợ phù hợp đối với khách hàng vẫn có triển vọng phục hồi. BID kỳ vọng việc giảm lãi suất và cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ góp phần hạn chế nợ xấu mới hình thành, đặc biệt tại nhóm SME.

6. Chi phí dự phòng và kế hoạch cải thiện LLR

- LLR giảm từ 99.9% cuối năm 2025 xuống **73.4% cuối Q3/26**, chủ yếu do quy mô nợ xấu gia tăng trong khi số dư dự phòng chưa được bổ sung tương ứng. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cuối Q3 đạt khoảng 34.9 nghìn tỷ đồng, gần như đi ngang so với đầu năm.

- BID đặt mục tiêu nâng LLR lên khoảng **85% vào cuối năm 2026**. Theo kế hoạch dự phòng cả năm khoảng 25.2 nghìn tỷ đồng, ngân hàng cần ghi nhận thêm khoảng 9.3 nghìn tỷ đồng trong Q4 để đạt ngân sách đã đề ra. Tuy nhiên, chi phí dự phòng thực tế còn phụ thuộc vào tốc độ hình thành nợ xấu, thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm và diễn biến phân loại nợ.

- BID tiếp tục ưu tiên duy trì bộ đệm dự phòng phù hợp với mức độ rủi ro danh mục. Do đó, việc tăng trích lập trong Q4 có thể gây áp lực lên tăng trưởng lợi nhuận, dù thu nhập hoạt động được kỳ vọng tiếp tục cải thiện.

7. NIM, lãi suất huy động và thanh khoản

- NIM của BID cuối Q3/26 ở mức khoảng **2.07%**, chịu sức ép khi chi phí huy động vốn tăng nhanh hơn mức cải thiện lợi suất tài sản. BID kỳ vọng xu hướng NIM sẽ tích cực hơn trong Q4 và năm 2027 nhờ các giải pháp tăng tiền gửi chi phí thấp, tối ưu cơ cấu tài sản sinh lãi và gia tăng tỷ trọng cho vay trung dài hạn, hiện chiếm trên 40% tổng dư nợ.

- Đối với bán lẻ, các khoản vay mua nhà được định giá lại sau thời gian ưu đãi được kỳ vọng hỗ trợ lợi suất cho vay. Tuy nhiên, BID vẫn phải cân đối giữa mục tiêu cải thiện NIM và yêu cầu hỗ trợ khách hàng, đặc biệt trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cao có thể ảnh hưởng tới chất lượng tài sản.

- Chênh lệch tăng trưởng tín dụng - huy động đã thu hẹp trong Q3/26. BID cho biết đây là quý đầu tiên trong năm tăng trưởng tiền gửi vượt tăng trưởng tín dụng, góp phần cải thiện khả năng cân đối vốn. Trong năm 2027, BID kỳ vọng chênh lệch này duy trì tương đối ổn định so với cuối năm 2026, dù nhu cầu vốn của khách hàng doanh nghiệp và các dự án đầu tư vẫn ở mức cao.

- Các điều chỉnh về tỷ lệ an toàn thanh khoản, bao gồm việc mở rộng phần tiền gửi Kho bạc Nhà nước được tính vào LDR và nâng giới hạn sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn, được kỳ vọng tạo thêm dư địa về mặt tỷ lệ. Tuy nhiên, khả năng mở rộng tín dụng thực tế vẫn phải phù hợp với quy mô nguồn vốn huy động, năng lực vốn và yêu cầu thanh khoản theo Basel III.

8. Thu nhập phí, ngoại hối và thu hồi nợ

- Thu nhập phí thuần tăng 5.5% svck trong 9T26, chủ yếu được hỗ trợ bởi các dịch vụ thanh toán, tài trợ thương mại và hoạt động ngân hàng số. Thu nhập từ thanh toán và tài trợ thương mại tăng 14.9% svck, phản ánh nhu cầu giao dịch của khách hàng doanh nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu vẫn duy trì tích cực. BID cho rằng dư địa tăng trưởng phí trong Q4 và năm 2027 tiếp tục đến từ hoạt động thanh toán, tài trợ thương mại, dịch vụ ngân hàng số và khai thác sâu hơn tập khách hàng hiện hữu. Ngân hàng hướng tới nâng dần tỷ trọng đóng góp của nguồn thu ngoài lãi trong tổng thu nhập hoạt động.

- Đối với hoạt động kinh doanh ngoại hối, dù doanh số giao dịch và nhu cầu của khách hàng xuất nhập khẩu vẫn tích cực, lợi nhuận chưa cải thiện tương ứng do biên chênh lệch tỷ giá thu hẹp. BID kỳ vọng điều kiện thị trường thuận lợi hơn có thể hỗ trợ nguồn thu này trong các kỳ tiếp theo, song chưa đưa ra mục tiêu tăng trưởng cụ thể.

9. An toàn vốn, phát hành riêng lẻ và huy động vốn trung dài hạn

- CAR hợp nhất đạt 10.13% cuối Q3/26, tăng khoảng 80 đcb so với cuối năm 2025, trong khi tỷ lệ vốn cấp 1 cải thiện lên 7.14%. Việc tăng cường vốn tự có tiếp tục là ưu tiên của BID nhằm duy trì khả năng tăng trưởng tín dụng và đáp ứng các yêu cầu an toàn vốn ngày càng cao.

- Đối với kế hoạch phát hành riêng lẻ, BID đã lựa chọn đơn vị tư vấn tài chính và đang tiếp xúc, đàm phán với các nhà đầu tư tiềm năng. Quy mô dự kiến khoảng 780 triệu cổ phiếu, tương đương 10.71% số cổ phiếu lưu hành tại cuối Q1/26. Tuy nhiên, ngân hàng chưa đưa ra thời điểm hoàn tất cụ thể do thương vụ vẫn đang trong quá trình triển khai.

- Ngoài phương án tăng vốn cổ phần, BID dự kiến phát hành 25-28 nghìn tỷ đồng trái phiếu cao cấp trong hai năm tới để bổ sung nguồn vốn trung dài hạn. Ngân hàng đang chuẩn bị áp dụng phương pháp tiêu chuẩn theo Basel III từ Q1/2027 và hướng tới phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) vào năm 2030.

Báo cáo tài chính

KQKD	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
Thu nhập lãi	155,055	206,571	240,073
Chi phí lãi	(91,698)	(134,346)	(155,021)
Thu nhập lãi thuần	**63,357**	**72,225**	**85,052**
Thu nhập ngoài lãi	**27,968**	**27,034**	**27,350**
Tổng lợi nhuận hoạt động	**91,325**	**99,258**	**112,402**
Tổng chi phí hoạt động	(30,465)	(32,119)	(36,147)
LN trước dự phòng	**60,860**	**67,140**	**76,255**
Tổng trích lập dự phòng	(22,997)	(24,516)	(28,603)
LN hoạt động sau trích lập	**37,863**	**42,624**	**47,652**
Lợi nhuận sau thuế	**30,483**	**34,099**	**38,122**
Lợi ích cổ đông thiểu số	(526)	(596)	(676)
LN chia cho cổ đông hiện hữu	**29,957**	**33,503**	**37,446**

Cân đối kế toán	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
Tổng cho vay khách hàng	**2,830,372**	**3,110,264**	**3,421,317**
Tổng các khoản mục chứng khoán	315,696	336,202	359,143
Tổng dự phòng	(35,088)	(33,161)	(35,025)
Tổng tài sản sinh lãi ròng	**3,234,610**	**3,553,856**	**3,913,989**
Tổng tài sản không sinh lãi	96,294	105,639	116,300
Tổng tài sản	**3,330,904**	**3,657,014**	**4,028,163**
Tiền gửi của khách hàng	2,223,225	2,383,327	2,574,328
Tiền gửi và vay các TCTD khác	417,741	417,639	446,435
Tổng nợ phải trả	**3,157,292**	**3,446,267**	**3,784,542**
Vốn điều lệ	70,214	72,854	72,854
Lợi nhuận chưa phân phối	44,829	66,678	93,877
Vốn chủ sở hữu	**173,611**	**210,747**	**243,621**
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,566	5,555	5,612
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	**3,330,904**	**3,657,014**	**4,028,163**

Chỉ số tài chính	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
Tăng trưởng huy động	13.8%	10.2%	10.0%
Tăng trưởng tín dụng	15.3%	10.7%	11.0%
Tăng trưởng tổng tài sản	20.7%	9.8%	10.1%
Tăng trưởng thu nhập lãi ròng	9.2%	14.0%	17.8%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	21.3%	-3.3%	1.2%
Tăng trưởng LN ròng	19.2%	11.8%	11.8%
Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR)	82.6%	84.1%	85.2%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	2.1%	2.1%	2.3%
Chi phí hoạt động/thu nhập (CIR)	33.4%	32.4%	32.2%
Chi phí tín dụng cho vay KH	1.0%	1.0%	1.0%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1.5%	1.6%	1.7%
Tổng dự phòng/nợ xấu (LLR)	100.6%	76.4%	70.3%
ROAE	19.1%	17.7%	16.8%
ROAA	1.0%	1.0%	1.0%
EPS	4,305	4,684	5,140
Giá trị sổ sách/cp	23,933	28,165	32,669
P/B	1.46	1.24	1.07

Nguồn: BID, MBS Research dự phóng

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CTCP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng